TRƯỜNG ĐHYK PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG SAU ĐẠI HỌC

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CAO HỌC – NỘI TRÚ năm 2020

SINH LÝ HỌC (có ôn thi: 15 buổi)

1/ Chương tế bào
- Vận chuyển vật chất qua màng tế bào, chất truyền tin thứ 2.

2/ Chương máu
- Sinh lý bạch cầu. - Sinh lý tiểu cầu và quá trình cầm máu. - Nhóm máu

3/ Chương tuần hoàn
- Tính chất sinh lý của cơ tim. - Điện tâm đồ bình thường.
- Chu kỳ tim – lưu lượng tim – Tiền tải, hậu tải. - Điều hòa hoạt động tim.
- Hệ động mạch - Huyết áp – Điều hòa hoạt động mạch. - Tĩnh mạch – Mao mạch.

4/ Chương hô hấp
- Hoạt động cơ học – Các thể tích và dung tích khí của phổi.
- Đường cong phân ly hemoglobin – oxy.
- Trao đổi và vận chuyển khí oxy và carbonic trong máu.
- Điều hòa hô hấp.

5/ Chương tiêu hóa
- Chức năng vận động của dạ dày – ruột non – ruột già.
- Chức năng tiết của đường tiêu hóa. - Chức năng hấp thu. - Sinh lý chức năng gan.

6/ Sinh lý thận
- Sự lọc tiểu cầu thận. - Sự tái hấp thu và bài tiết ở ống thận.
- Sự tái hấp thu và bài tiết ở ống xa và ống góp.
- Chức năng điều hòa nội môi của thận.

7/ Chương nội tiết
- Tác dụng và điều hòa các hormone của các tuyến yên, giáp, thượng thận vỏ và tủy, tụy nội tiết

8/ Chương sinh sản
- Dậy thì.
- Tinh hoàn: Điều hòa hoạt động – Chức năng tạo tinh trùng – Điều hòa hoạt động sinh tinh và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo tinh trùng.
- Testosterone: chức năng sinh lý của testosterone cà các androgen.
- Điều hòa hoạt động của buồng trứng và cơ chế điều hòa kinh nguyệt.
- Các hormone buồng trứng: setrogen, progesterone.
- Chu kỳ tử cung.
- Thai kỳ và hormone thai kỳ.

9/ Chương thần kinh
- Chức năng dẫn truyền và chức năng phản xạ của tủy sống.
- Võ não - Sinh lý thân não. - Sinh lý tiểu não.
- Vùng hạ đồi. - Hệ thần kinh thực vật. - Phản xạ có điều kiện.

Tài liệu học: Sinh lý học Y khoa tập 1 và tập 2– 2018, Bộ môn Sinh lý học – Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. (Liên hệ BM, Lầu 1, Khu A 2, hoặc thư quán khu B, 461 Sư Vạn Hạnh)

Hình thức thi: trắc nghiệm.

Ghi chú: Vì giờ giảng ôn thi có hạn, nên sẽ không giảng hết các vấn đề trong đề cương ôn tập mà chỉ giảng một số mục trọng tâm, các vấn đề khác học viên sẽ tự học trong sách giáo khoa. Đề thi là toàn bộ các chương trong đề cương ôn thi.

GIẢI PHẪU HỌC (có ôn thi: 10 buổi)

1. Chi trên – Chi dưới:

- Xương chi trên – cơ chi trên
- Xương chi dưới – cơ chi dưới
- Mạch máu vùng chi trên, chi dưới
- Đám rối thần kinh chi trên, chi dưới

2. Đầu mặt cổ:

- Xương đầu mặt, Cơ đầu mặt cổ
- Động mạch cảnh – động mạch dưới đòn
- 12 đôi dây thần kinh sọ

3. Ngực – Bụng:

- Xương thân – Cơ thân
- Tim - phổi, màng phổi
- Gan mật – Ruột non – Ruột già
- Dạ dày – Tá tràng – Tụy

4. Thần kinh:

- Hình thể ngoài và hình thể trong của Tủy gai, Trám não, Trung não
- Hình thể ngoài và hình thể trong của Gian não, Đoan não

Tài liệu học và tham khảo:

1. Bài giảng Giải phẫu học tập 1, tập 2 – GS Nguyễn Quang Quyền – NXB Y học Tp Hồ Chí Minh.
2. Giải phẫu Chi trên – Chi dưới – PGS.TS Phạm Đăng Diệu – NXB Y học Tp Hồ Chí Minh
3. Giải phẫu Đầu Mặt Cổ - PGS.TS Phạm Đăng Diệu – NXB Y học Tp Hồ Chí Minh
4. Giải phẫu Ngực Bụng – PGS.TS Phạm Đăng Diệu – NXB Y học Tp Hồ Chí Minh
5. Giải phẫu Sau đại học tập 1, tập 2 – PGS Lê Văn Cường – NXB Y học TP.HCM
6. Câu hỏi trắc nghiệm Giải phẫu – NXB Y học TP.HCM.

Hình thức thi: trắc nghiệm.

NỘI (Cao học) (không ôn thi)

Chẩn đoán và điều trị:

1/ Tăng huyết áp
2/ Bệnh màng ngoài tim
3/ Xuất huyết tiêu hóa
4/ Xét nghiệm sinh hóa gan mật
5/ Viêm gan cấp-Viêm gan mạn
6/ Viêm phổi
7/ Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
8/ Hen phế quản
9/ Đái tháo
10/ Cường giáp
11/ Bệnh cầu thận
12/ Viêm khớp dạng thấp
13/ Loãng xương (BSCKII Hồ Phạm Thục Lan)

NỘI TỔNG QUÁT (Nội trú) (không ôn thi)

Chẩn đoán và điều trị:

1/ Tăng huyết áp
2/ Cơn đau thắt ngực ổn định
3/ Viêm tụy cấp
4/ Xét nghiệm sinh hóa gan mật
5/ Xơ gan)
6/ Viêm phổi
7/ Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
8/ Hen phế quản
9/ Đái tháo đường
10/ Cường giáp
11/ Bệnh cầu thận
12/ Viêm khớp dạng thấp
13/ Loãng xương
14/ Bệnh van tim
15/ Nhồi máu cơ tim ST chênh lệch
16/ Suy thượng thận cấp và mạn

Tài liệu tham khảo:

- Sách triệu chứng học, bệnh học nội khoa- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - NXB Y học - năm 2020
- Sách điều trị bệnh nội khoa- Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - NXB Y học- năm 2020
- Bài giảng năm 2019 - 2020
- Phân tích xét nghiệm sinh hóa gan và các dấu ấn virus viêm gan, đánh giá xơ hóa gan (TS.BS Trần Thị Khánh Tường

- Harrison's Principles of Internal Medicine.

Hình thức thi: trắc nghiệm

HÓA SINH (không ôn thi)

Hóa sinh đại cương: (30 câu)

- Hóa học Glucid
- Hóa học Lipid
- Hóa học Protid
- Hóa học Hemoglobin
- Hóa học Acid Nucleic & Nucleotide
- Điều hòa biểu hiện gen
- Enzyme, Vitammin, Hocmon
- Chuyển hóa năng lượng
- Chuyển hóa Glucid
- Chuyển hóa Lipid
- Chuyển hóa Hemoglobin
- Chuyển hóa Protid
- Chuyển hóa Acid Nucleic & Nucleotide
- Nhân đôi DNA và Sao mã RNA
- Sinh tổng hợp Protein

Tài liệu tham khảo:

- Sách bài giảng Hóa sinh Y2 của trường

Hóa sinh lâm sàng :(50 câu)

- Các khái niệm toán thống kê ứng dụng trong hóa sinh lâm sàng: đường cong ROC, hệ số kappa, đường biểu diễn kaplan-mayer, hồi quy đa biến, độ nhạy và độ đặc hiệu về mặt kỹ thuật và về mặt lâm sàng (3 câu)
- Ý nghĩa và các điều cần lưu ý khi sử dụng khoảng tham chiếu trong xét nghiệm (2 câu)
- Ảnh hưởng của biến thiên sinh học lên kết quả xét nghiệm sinh hóa-miễn dịch. (2 câu)
- Ảnh hưởng của các yếu tố tiền phân tích lên kết quả xét nghiệm sinh hóa-miễn dịch (2 câu).
- Các xét nghiệm sinh hoá, miễn dịch đánh giá chức năng gan, tuy. (2 câu)
- Sử dụng các xét nghiệm đánh giá chức năng trong một số bệnh lý gan: viêm gan siêu vi, xơ gan. (4 câu)
- Đặc điểm các chỉ số chuyển hóa trong hội chứng chuyển hóa (2 câu)
- Đặc điểm các chỉ số xét nghiệm trong bệnh lý mạch vành (2 câu)
- Các chỉ số hóa sinh đánh giá tình trạng viêm thường dùng: CRP, SAA, Procalcitonin. (3 câu)
- Đặc điểm các chỉ số viêm trong một số bệnh lý thường gặp: viêm khớp dạng thấp, xơ vữa động mạch, nhiễm trùng huyết. (6 câu)
- Đặc điểm các chỉ số đánh giá rối lipid (4 câu).
- Giá trị (vai trò) của các chỉ thị sinh học khối u trong thực hành lâm sàng. (2 câu)
- Các xét nghiệm chẩn đoán, theo dõi bệnh đái tháo đường. (2 câu)
- Các xét nghiệm máu và nước tiểu đánh giá các chức năng thận. (4 câu)
- Sử dụng các xét nghiệm đánh giá chức năng trong một số bệnh lý thận: viêm cầu thận cấp, bệnh thận mạn, hội chứng thận hư. (6 câu)
- Xét nghiệm nhanh tại chỗ (POCT): định nghĩa, ưu khuyết điểm, tình hiện áp dụng hiện nay tại Việt Nam (2 câu)
- Nội kiểm tra và ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm.. (2 câu)

Tài liệu tham khảo:

- Sách Hóa sinh lâm sàng Y3 của trường

Sinh học phân tử: (30 câu)

- Ứng dụng SHPT trong bệnh truyền nhiễm
- Ứng dụng SHPT trong bệnh di truyền
- Ứng dụng SHPT trong bệnh ung bướu

Tài liệu tham khảo:

- Sách SHPT Y3 của Trường -

Hình thức thi: trắc nghiệm

TOÁN XÁC SUẤT (có ôn thi: 4 buổi)

1. Biến cố:

- Ôn tập về tổ hợp
- Các loại biến cố
- Xác suất của biến cố.

2**. Các công thức tính xác suất của biến cố:**

- Công thức cộng, nhân
- Công thức xác suất có điều kiện
- Công thức xác suất toàn phần, Bayès.

3. Biến ngẫu nhhiên:

- Biến ngẫu nhiên, hàm mật độ, hàm phân phối
- Một số giá trị đặc trưng của biến ngẫy nhiên (kỳ vọng, phương sai).

4. Một số phân phối xác suất thường dùng:
- Một số phân phối xác suất thường dùng (Nhị thức, Siêu bội, Poisson, Chuẩn)
- Xấp xỉ phân phối Chuẩn.

THỐNG KÊ Y HỌC (có ôn thi: 7 buổi)

1. Biến số

Phân loại biến số

2. Trình bày số liệu
- Cách trình bày số liệu
- Lập bảng phân phối tần số cho biến số định tính, biến số định lượng.
- Vẽ biểu đồ histogram, đường biểu diễn tần số tương đối

3. Các giá trị đặc trưng
- Tính các giá trị trung tâm (trung bình, trung vị), các giá trị phân tán (phương sai, độ lệch chuẩn, khoảng tứ vị).
- Tính và giải thích được ý nghĩa của khoảng giới hạn sinh lý bình thường.

4. Khoảng tin cậy
- Ý nghĩa của khoảng tin cậy. - Tính khoảng tin cậy của số trung bình, tỷ lệ.

5. Test kiểm định
- So sánh 2 số trung bình: sử dụng phép kiểm t cho 3 dạng bài so sánh
- So sánh 2 hay nhiều tỷ lệ: sử dụng phép kiểm Chi bình phương.

6. Tương quan và hồi quy
- Tương quan giữa 1 biến số định tính và 1 biến số định lượng: kiểm định t
- Tương quan giữa hai biến số định tính:
  - Kiểm định Chi bình phương
  - Tính OR và giải thích được ý nghĩa của OR.
  - Xác định yếu tố gây nhầm lẫn và yếu tố thay đổi hiệu quả tương quan.
- Tương quan giữa hai biến số định lượng:
  - Tính r, r^2 và giải thích ý nghĩa các hệ số này.
  - Viết phương trình đường thẳng hồi quy.Giải thích ý nghĩa của hệ số góc.
  - Ước lượng và tính khoảng tin cậy của các giá trị y từ x

7. Tính số n
- Tính số n của nghiên cứu mô tả. - Tính số n của nghiên cứu so sánh.

Tài liệu tham khảo:

- Tập bài giảng của Giảng viên
- Lê Trường Giang (2011), Thống kê Y học , NXB Y học
- Daniel, W. W. (2011) Biostatistics: A Foundation for Analysis in the Health Sciences (9th Edition), Wiley.
- Bộ môn Tin học-Thống kê Y học – Tin học, Ôn tập xác suất, lưu hành nội bộ.

Hình thức thi**:* viết ***Tài liệu ôn thi: Liên hệ Phòng Sau đại học

NGOẠI NGỮ (có ôn thi: 10 buổi)

Tiếng Anh y khoa tổng quát bao gồm từ vựng, ngữ pháp, đọc hiểu và viết.

Tài liệu tham khảo:

- Murphy R., Grammar in Use, fourth edition, Cambridge University Press.

***Hình thức thi**:* trắc nghiệm và viết
- Giới thiệu cấu trúc đề thi
- Giới thiệu nguồn tham khảo
- Ôn tập ngữ pháp và kèm thực hành bài tập
- Bài tập về nhà: Reporting people's words and thoughts.
- Ôn tập ngữ pháp kèm bài tập
- Bài tập về nhà: unit 35:Had better, It's time….

- Bài thực hành tổng hợp Practice 1
- Bài tập về nhà: Unit 46: have something done.
- Bài thực hành tổng hợp Practice 2
- Bài tập về nhà: Unit 64: To…. For….. and so that…
- Bài thực hành tổng hợp Practice 3
- Bài tập về nhà: Unit 102: So and such
- Bài thực hành tổng hợp Practice 4
- Bài tập về nhà: Unit 103: enough and too.
- Bài thực hành tổng hợp Practice 5
- Bài tập về nhà: Unit 105: Comparison 1 (cheaper, more expensive)
- Bài thực hành tổng hợp Practice 6
- Bài tập về nhà: Unit 107: Comparison 3 (as…. as/ than)
- Bài thực hành tổng hợp Practice 7
- Bài tập về nhà: Unit 113: althought/though/even though; In spite of/despite
- Bài thực hành tổng hợp Practice 8
- Bài tập về nhà: Unit 115: unless, as long as, provided/ providing

Y SINH HỌC DI TRUYỀN (không ôn thi)

STT	Tên bài giảng	Nội dung
1	Các vấn đề về di truyền người	Trình bày các ứng dụng của di truyền Y học: Chẩn đoán các bệnh di truyền, các bệnh rối loạn chuyển hóa; góp phần chẩn đoán vô sinh, các bệnh rối loạn miễn dịch, ung thư; chẩn đoán tiền sinh và tham vấn di truyền.
2	Bệnh di truyền: định nghĩa, phân loại	Định nghĩa bệnh di truyền. Phân loại bệnh di truyền theo yếu tố di truyền. Phân loại bệnh di truyền theo tỷ trọng môi trường - di truyền.
3	Bộ nhiễm sắc thể người	Nhắc lại sơ lược về quá trình phân bào, cấu tạo đại thể và vi thể của NST. Phân loại NST người. Đề án bộ gien người. Định nghĩa NST đồ. Các loại NST đồ thông dụng được sử dụng để chẩn đoán bệnh NST. Ứng dụng trong Y học.
4	Bệnh nhiễm sắc thể	Rối loạn về số lượng NST: đa bội, lệch bội. Bệnh lý trisomy 13, 18, 21. Rối loạn về cấu trúc NST: mất đoạn, thêm đoạn, chuyển đoạn, đảo đoạn, NST hai tâm, NST đều.
5	Di truyền đơn gien và bệnh lý đơn gien	Di truyền Menđen NST thường, trội và lặn. Di truyền liên kết NST X. Dấu ấn di truyền. Phóng đại đơn vị lặp không ổn định. Di truyền ty thể.

6	Di truyền đa yếu tố và bệnh lý đa yếu tố	Sự khác biệt về lượng và về chất trong bệnh di truyền. Sự góp phần của yếu tố di truyền và môi trường trong bệnh di truyền đa yếu tố. Một số bệnh di truyền đa yếu tố: béo phì, tiểu đường.
7	Giới thiệu các kỹ thuật chẩn đoán di truyền	Giới thiệu nguyên tắc thực hiện, kỹ thuật, chỉ định của các xét nghiệm di truyền: NST đồ, FISH, PCR, giải trình tự.
8	Nguyên lý chẩn đoán và điều trị bệnh di truyền	Chẩn đoán bệnh di truyền: bệnh sử, tiền sử, khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán trước sinh. Điều trị bệnh di truyền: điều trị triệu chứng, thay gien bệnh bằng gien lành, bổ sung sản phẩm của gien, tác động lên chuyển hóa, thay đổi điều kiện môi trường, phẫu thuật sửa chữa.
9	Dự phòng và tham vấn di truyền	Phòng ngừa bệnh di truyền: tầm soát gien, chẩn đoán trước sinh, tạo môi trường sống tối ưu. Tham vấn di truyền: xét nghiệm, chẩn đoán, lập cây gia hệ, tính tỷ suất nguy cơ, giải thích, nâng đỡ, kết luận và cho lời khuyên.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Công Toại, Vũ Phi Yên; Di truyền học. NXB Hồng Đức; 2013
2. The Principles of Clinical Cytogenetics, Humana Press; 2th edition, 2004.
3. 2. Thompson & Thompson Genetics in Medicine, 7th edition. Robert L.Nussbaum, 2009.
4. 3. USMLE Road Map: Genetics. McGraw-Hill Medical, 2008

Hình thức thi: trắc nghiệm

NGOẠI (không ôn thi)

1/ Cấp cứu chấn thương ngực
2/ Ung thư phổi và màng phổi
3/ Chấn thương bụng và vết thương bụng
4/ Biến chứng cấp cứu sỏi mật: viêm túi mật cấp , nhiễm trùng đường mật
5/ Ung thư đầu tụy – U quanh nhú Vater
6/ Viêm tụy cấp – Viêm tụy mạn
7/ Sỏi đường mật
8/ Ung thư gan
9/ Trĩ - áp xe - rò cạnh hậu môn
10/ Ung thư dạ dày
11/ Ung thư đại trực tràng – trực tràng
12/ Viêm phúc mạc
13/ Cấp cứu biến chứng loét dạ dày (Hẹp môn vị - Thủng dạ dày - Chảy máu đường tiêu hóa)
14/ Tắc ruột
15/ Viêm ruột thừa và biến chứng
16/ Thoát vị bẹn đùi và biến chứng thoát vị nghẹt
17/ Cấp cứu ngoại khoa hệ niệu
18/ Sỏi hệ niệu và biến chứng

Tài liệu tham khảo:

- Bệnh học Ngoại khoa, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
- Điều trị Ngoại khoa, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch
- Sabiston TEXTBOOK OF SURGERY, 17th - 18 th edition

Hình thức thi: trắc nghiệm

SẢN: (không ôn thi)

1. Sinh lý sinh dục nữ
2. Băng huyết sau sanh
3. Cơ chế sanh ngôi chỏm
4. Thai quá ngày
5. Các phương pháp đánh giá sức khỏe thai nhi
6. Các biện pháp khởi phát chuyển dạ
7. Dọa sanh non – Sanh non - Thai non tháng
8. Xuất huyết 3 tháng đầu thai kỳ: Thai ngoài tử cung, thai trứng, sẩy thai, thai lưu
9. Xuất huyết 3 tháng cuối thai kỳ: nhau tiền đạo, nhau bong non, vỡ tử cung
10. U xơ tử cung
11. Các biện pháp ngừa thai tạm thời và vĩnh viễn

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Sản Phụ Khoa, tập 1-2, Bộ môn Sản Phụ khoa Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch
- Bài giảng Sản Phụ Khoa, tập 1-2, ĐHYD Tp.Hồ Chí Minh
- Novak's Gynecology
- Berek and Novack Gynecology 15 th Lippincott William & Wilkins
- Williams Obstetrics
- F.Gary Cunning ham, Williams Obstetrics 24 th edition. Mc GRAW-HILL
- Gynecologie (Bernard Blance, Leon Boubli)
- Practique de I'accouchement (J.Lansac/ G.Body)
- La Contraception (David Serfaty)
- Endocyclopedie Médico-Chirugicale, Obstétrique.
- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản Phụ khoa, Bộ Y Tế, Hà Nội, 2015
- Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, Bộ Y Tế, Hà Nội, 2016
- Thực hành lâm sàng Sản Phụ khoa, Bộ môn Sản Phụ khoa Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch

Hình thức thi: trắc nghiệm

MẮT (có ôn thi: 1 buổi)

1. Giải phẫu sinh lý mắt:

1.1 Cấu tạo chung:
- Cơ quan bảo vệ nhãn cầu: mi mắt, hốc mắt.
- Cơ quan phụ thuộc: bộ lệ, cơ vận nhãn.
- Cơ quan thị giác: nhãn cầu, thị thần kinh và đường dẫn truyền thần kinh thị giác.

1.2 Chức năng sinh lý của từng cơ quan.

1.3 Mô hình về cấu tạo mắt:
- Thiết đồ cấu tạo mắt theo đường cắt dọc đứng qua hốc mắt, nhãn cầu.
- Sơ đồ dẫn truyền thị giác.

1.4 Ứng dụng lâm sàng các cơ quan của mắt.

2. Bệnh học các cơ quan của mắt:

2.1 Bệnh học mi mắt, hốc mắt và các phần phụ

Trọng tâm: Bệnh lý sụp mi, quặm mi, lồi mắt Basedow, tắc lệ đạo bẩm sinh, viêm kết mạc dị ứng, khô mắt

2.2 Bệnh học củng mạc, giác mạc

Trọng tâm: viêm loét giác mạc, các bệnh lý viêm kết giác mạc

2.3 Tật khúc xạ

Trọng tâm: Đặc điểm quang học của mắt chính thị, tật cận thị, viễn thị, loạn thị. Chẩn đoán và điều trị tật khúc xạ theo phương pháp chủ quan, khách quan.

2.4 Bệnh học góc tiền phòng:

Trọng tâm: Glôcôm bẩm sinh, glôcôm góc đóng cơn cấp. Chẩn đoán và điều trị

2.5 Bệnh học màng bồ đào:
Trọng tâm: Viêm màng bồ đào cấp, chẩn đoán và điều trị
2.6 Bệnh học thể thủy tinh:
Trọng tâm: Đục thể thủy tinh người già, trẻ em, bẩm sinh, chẩn đoán và điều trị
2.7 Bệnh học võng mạc- dịch kính:
Trọng tâm: Bệnh lý hắc võng mạc trung tâm thanh dịch chẩn đoán và điều trị, viêm thị thần kinh cấp, tắc động mạch trung tâm võng mạc, tắc tĩnh mạch trung tâm võng mạc, u nguyên bào võng mạc, bệnh lý võng mạc trẻ sinh non, bong võng mạc, bệnh võng mạc đái tháo đường
2.9 Bỏng và chấn thương mắt:
Trọng tâm: Bỏng mắt do hoá chất, phân loại mức độ bỏng, nguyên tắc xử trí cấp cứu

Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình dành cho Y_5 của Bộ môn Mắt Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch.
- Giáo trình chuyên khoa định hướng
- Bộ sách Kanski
- Sách nhãn khoa 3 tập (tập 1, 2, 3) - Nxb Y học 2012.
- Giáo trình nhãn khoa – NXB Giáo dục 1997.

Hình thức thi: trắc nghiệm

NHI (không ôn thi)

1. Hôn mê trẻ em
2. Sốc trẻ em
3. Ngộ độc cấp trẻ em
4. Hen trẻ em
5. Viêm phổi cộng đồng trẻ em
6. Viêm màng não trẻ em
7. Bệnh tay chân miệng
8. Hội chứng thận hư
9. Viêm cầu thận cấp
10. Cấp cứu ngừng thở ngừng tim-Dị vật đường thở
11. Xuất huyết giảm tiểu cầu
12. Thiếu máu thiếu sắt
13. Viêm tiểu phế quản
14. Tiêu chảy cấp
15. Suy tim trẻ em
16. Vàng da tăng bilirubin gián tiếp
17. Nhiễm trùng sơ sinh
18. Suy hô hấp sơ sinh.
19. Nhiễm trùng tiểu.
20. Nuôi con bằng sữa mẹ

Tài liệu tham khảo:

+ Bài giảng Nhi khoa của Bộ môn NHI, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, 2017
+ Phác đồ điều trị bệnh viện Nhi Đồng 1 và 2

Hình thức thi: viết

TAI MŨI HỌNG (không ôn thi)

1/ GP – SL Mũi xoang
2/ GP-SL Bộ máy thính giác và tiền đình
3/ Sinh lý nghe
4/ Viêm mũi xoang cấp, mạn
5/ Viêm tai giữa cấp, mạn và biến chứng
6/ Nghe kém
7/ Viêm mũi dị ứng
8/ Viêm amidan, VA
9/ Dị tật bẩm sinh vùng Đầu – Mặt – Cổ
10/ Cấp cứu TMH–Chảy máu mũi– Chấn thương tai mũi họng
11/ Dị vật đường ăn, dị vật đường thở
12/ Đại cương về các bệnh lý thanh quản thường gặp
13/ Ung thư vòm mũi họng, ung thư thanh quản
14/ Hình ảnh học mũi xoang

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng cho lớp Định hướng Tai Mũi Họng
- Bài giảng TMH cho sinh viên Y5 của Bộ môn TMH Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch và ĐHYD TP.HCM
- Sách Tai Mũi Họng, Nhan Trừng Sơn & cs 2008

Hình thức thi: trắc nghiệm.

CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (không ôn thi)

- X-quang:

Các hội chứng lồng ngực
Sọ và xoang (hình ảnh khuyết sọ -Vôi hóa trong và ngoài sọ-Hình ảnh xoang hàm và cung gò má)
Các hội chứng X- quang cột sống
X- quang bụng cấp (Thủng tạng rỗng và tắc ruột)
X- quang u xương (lành và ác)

- Siêu âm: bệnh lý hệ gan mật – Giáp – Vú – Tụy

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng X quang - Tác giả Phạm Ngọc Hoa
- Cẩm nang siêu âm - Tác giả Phạm Bonni

Hình thức thi: trắc nghiệm

ĐIỀU DƯỠNG (có ôn thi: 4 buổi)

ĐIỀU DƯỠNG NỘI
1/ QTCSBN tăng huyết áp
2/ QTCSBN nhồi máu cơ tim
3/ QTCSBN XHTH trên
4/ QTCSBN bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính
5/ QTCSBN hôn mê
6/ QTCSBN nhiễm trùng tiểu

ĐIỀU DƯỠNG NHI
13/ Chăm sóc trẻ bị tiêu chảy
14/ Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp
15/ Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp
16/ Chăm sóc trẻ bị suy dinh dưỡng
17/ Chăm sóc trẻ co giật

ĐIỀU DƯỠNG NGOẠI
7/ CSBN trước mổ
8/ CSBN sau mổ
9/ CSBN thủng dạ dày tá tràng
10/ CSBN có hậu môn tạm
11/ CSBN mổ lồng ngực
12/ CSBN mổ tiết niệu

ĐIỀU DƯỠNG NHIỄM
18/ CSBN nhiễm HIV-CSBN AIDS
19/ CSBN viêm gan siêu vi B
20/ CSBN sởi
21/ CSBN sốt rét
22/ CSBN thủy đậu

Tài liệu ôn thi: Liên hệ Phòng Sau đại học.

Hình thức thi: trắc nghiệm.

TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ (không ôn thi)

1. Dịch vụ y tế
2. Khái niệm sức khỏe cộng đồng, y tế công cộng, y học gia đình
3. Sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe
4. Chẩn đoán cộng đồng
5. Hệ thống y tế Việt Nam

Hình thức thi: viết

Tài liệu ôn thi: Liên hệ Phòng Sau đại học.

DỊCH TỄ HỌC (không ôn thi)

1. Các phép đo tần suất bệnh
2. Bài tập về các phép đo tần suất bệnh và so sánh tỉ suất
3. Nghiên cứu Cắt ngang
4. Nghiên cứu Bệnh chứng
5. Nghiên cứu Đoàn hệ
6. Nghiên cứu Can thiệp ngẫu nhiên có đối chứng (RCT)
7. Bài tập về các thiết kế nghiên cứu (cắt ngang, đoàn hệ, …)
8. So sánh tỉ suất

Tài liệu tham khảo:

+ Sách Dịch tễ học cơ bản, năm 2020, Bộ môn Dịch tễ học Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch

Tài liệu ôn thi: Liên hệ Phòng Sau đại học.

Hình thức thi: trắc nghiệm